TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2022/HS-ST
Ngày 18 – 11 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 222/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn D**, giới tính: N; sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 38/13, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở trước khi bị bắt: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Trần Thị Bạch T; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 03 người con; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 21/8/2019, bị Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 18 tháng, đến ngày 02/11/2020 được Cơ sở cai nghiện ma tuý số 2 cấp giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định.

Nhân thân:

- Ngày 08/3/2018, bị Công an P1, quận G xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, ngày 09/3/2018 D đã đóng phạt.

- Ngày 24/02/2012, bị Ủy ban nhân dân Quận G quyết định về việc đưa người vào Cơ sở chữa bệnh trong thời gian 24 tháng, đến ngày 02/12/2013 Trung tâm G1 cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2022;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà Lê Thúy V, sinh năm: 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: D ấp D, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trịnh Thị Á, sinh năm: 1980 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Bà Lâm Huyền T1, sinh năm: 1990 (vắng mặt);
Địa chỉ: D N, khu phố D, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1994 (vắng mặt);
Địa chỉ: 1 B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người làm chứng:* Bà Phan Thị Kim H2, sinh năm: 1971 (vắng mặt).
Địa chỉ: D ấp D, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ, ngày 10/3/2022, Nguyễn Văn D mượn xe mô tô biển số 59T1 – 229.94 của bà Trịnh Thị Á để đi ăn sáng. D điều khiển xe mô tô đến khu vực chợ H3 đón bạn gái là bà Lâm Huyền T1 đi cùng. Khi lưu thông đến đường A - H, D nhìn thấy tiệm tạp hóa của bà Phan Thị Kim H2 tại địa chỉ D đường A - H, Ấp D, xã H, huyện B bên phải đường nên điều khiển xe quay trở lại, đồng thời hỏi bà T1 *"uống nước không?"*. Bà T1 trả lời *"không uống"*. D tiếp tục đi ngược chiều và dừng trước tiệm tạp hóa để mua nước. Lúc này, bà T1 đang quay mặt sang bên lề đường đối diện tiệm tạp hóa, còn D nhìn vào tiệm và phát hiện bà Lê Thúy V đang ngồi trên xe mô tô trước tiệm tạp hóa đợi mua hàng, trên cổ bà V có đeo sợi dây chuyền nên D nảy sinh ý định cướp giật sợi dây chuyền trên. Vào lúc 07 giờ 41 phút cùng ngày 10/3/2022, lợi dụng bà V không cảnh giác nên D bất ngờ dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền trên cổ bà V, cầm trên tay trái và tăng ga bỏ chạy. Lúc này, bà T1 có hỏi *"chuyện gì vậy"* nhưng D chỉ nói bà T1 *"ôm chặt"*. Khi đến trước địa chỉ 4/30, Ấp C, xã T, huyện B xe do D điều khiển xảy ra va chạm giao thông làm rơi sợi dây chuyền xuống đường. D liền nói bà T1 nhặt sợi dây chuyền lên giữ giúp. Nhận được tin báo từ người dân vụ tai nạn giao thông, Đội Cảnh sát giao thông Tân Túc đến xử lý. Sau khi va chạm, D điện thoại cho bà Trịnh Thị Á để nhờ đến hiện trường giải quyết vụ va chạm. Khi bà Á đến hiện trường, bà T1 gửi sợi dây chuyền cho bà Á giữ để bà T1 và D xử lý vụ việc tai nạn.

Quá trình làm việc tại Đội Cảnh sát giao thông T2, D thừa nhận hành vi cướp giật sợi dây chuyền của bà V. Lúc này, bà T1 liền nói với bà Á giao nộp lại sợi dây

chuyền mà D nhờ cất giữ. Đội Cảnh sát giao thông T2 bàn giao D, bà T1 cùng tang vật liên quan cho Công an xã H lập hồ sơ và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra vụ án, bà Lâm Huyền T1 trình bày: Không biết việc D nảy sinh ý định và thực hiện hành vi cướp giật dây chuyền. Đến khi D thừa nhận hành vi bà T1 đã chủ động nói bà Trịnh Thị Á giao nộp lại sợi dây chuyền. Lời khai của bà T1 phù hợp với diễn biến camera và lời khai của bị cáo D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ kết quả định giá tài sản số 1186/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện B xác định giá trị 01 sợi dây chuyền vàng, loại 18K, khối lượng 2,06 chỉ vào thời điểm ngày 10/3/2022 là 8.121.632 đồng.

Căn cứ kết luận giám định số 3433/KL – KTHS ngày 21/9/2022 của Phòng K Công an Thành phố H đối với tập tin video thu giữ trong vụ án ghi lại diễn biến vụ cướp giật tài sản xác định đối tượng thực hiện hành vi cướp giật sợi dây chuyền của bà V là Nguyễn Văn D.

Vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Luvias, biển số: 59T1-229.94; Qua xác minh do Trịnh Thị Á đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã giao trả xe cho bà Á.

- 01 dây kim loại màu vàng; Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Lê Thúy V.

- 01 ĐTDĐ Galaxy J6+ đã qua sử dụng tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn D, Cơ quan điều tra đã kiểm tra dữ liệu điện tử, không phát hiện dữ liệu liên quan đến vụ án nên đã giao cho cha ruột của bị cáo là ông Nguyễn Văn H1 để quản lý.

- 01 USB hiệu Kingston lưu trữ 01 file video ghi lại hình ảnh bị can cướp giật tài sản. Vật chứng lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

- 01 áo thun ngắn tay màu trắng, trước ngực áo có in hoa văn, 01 quần jean dài màu đen (tạm giữ của Nguyễn Văn D); 01 áo thun ngắn tay màu xanh, 01 quần jean ngắn màu xanh (tạm giữ của Lâm Huyền T1); Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh tạm giữ chờ xử lý.

Về dân sự: Bà Lê Thúy V đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự.

Cáo trạng số 195/CT-VKS ngày 19/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố

Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 04 năm đến 05 năm tù. Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng, không oan, sai; bị cáo rất ăn năn hối hận; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D khai nhận: Vào lúc 07 giờ 41 phút ngày 10/3/2022, tại tiệm tạp hóa của bà Phan Thị Kim H2 địa chỉ D đường A - H, Ấp D, xã H, huyện B, bị cáo D đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 59T1 – 229.94 bất ngờ dùng tay trái cướp giật 01 (một) sợi dây chuyền vàng, loại 18K, khối lượng 2,06 chỉ trị giá 8.121.632 đồng (tám triệu một trăm hai mươi mốt nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) trên cổ của bà Lê Thúy V, sau đó bị cáo D cầm trên tay trái và tăng ga bỏ chạy. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, video ghi lại diễn biến vụ cướp giật tài sản cùng vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Bị cáo biết rất rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động chính đáng nên vẫn cố tình phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 8.121.632 đồng nhưng bị cáo đã điều khiển xe mô tô áp sát xe của bị hại để giật lấy tài sản và sau khi có được tài sản, bị cáo nhanh chóng điều khiển xe tẩu thoát, hành vi của bị cáo không những có khả năng gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của bị hại mà còn gây nguy hiểm cho chính bản thân bị cáo. Điều đó thể hiện sự liều lĩnh, táo bạo và ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp *"Dùng thủ đoạn nguy hiểm"* là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo

Nguyễn Văn D phạm tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, bị cáo có tiền sự và nhân thân xấu: Ngày 08/3/2018, bị cáo bị Công an P1, quận G xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, ngày 09/3/2018 bị cáo D đã đóng phạt; Ngày 24/02/2012, bị cáo bị Ủy ban nhân dân Quận G quyết định về việc đưa người vào Cơ sở chữa bệnh trong thời gian 24 tháng, đến ngày 02/12/2013 Trung tâm G1 cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định; Ngày 21/8/2019, bị cáo bị Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 18 tháng, đến ngày 02/11/2020 được Cơ sở cai nghiện ma tuý số 2 cấp giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai cáo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D phạm tội nhằm thu lợi bất chính. Tuy nhiên, xét bị cáo cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thúy V đã nhận lại tài sản, vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu bồi thường thiệt hại dân sự gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Luvias, biển số: 59T1-229.94; Qua xác minh do bà Trịnh Thị Á đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã giao trả xe cho bà Á nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) dây kim loại màu vàng; Cơ quan điều tra đã trao trả cho bà Lê Thúy V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy J6+ đã qua sử dụng tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn D. Cơ quan điều tra đã kiểm tra dữ liệu điện tử, không phát hiện dữ liệu liên quan đến vụ án nên đã giao cho cha ruột của bị cáo là ông Nguyễn Văn H1 để quản lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án 01 (một) USB hiệu Kingston lưu trữ 01 (một) file video ghi lại hình ảnh bị cáo cướp giật tài sản.

- 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng, trước ngực áo có in hoa văn; 01 (một) quần jean dài màu đen thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D. Đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh, 01 (một) quần jean ngắn màu xanh thu giữ của bà Lâm Huyền T1. Bà T1 từ chối nhận lại. Đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Quá trình điều tra vụ án, bà Lâm Huyền T1 không biết việc bị cáo D nảy sinh ý định và thực hiện hành vi cướp giật dây chuyền của bà V. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không xử lý đối với bà T1.

[10] Đối với bà Trịnh Thị Á cho bị cáo D mượn xe mô tô biển số 59T1 – 229.94 nhưng không biết bị cáo D sử dụng làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không xử lý đối với bà Á.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/3/2022.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) áo thun ngắn tay màu trắng, trước ngực áo có in hoa văn; 01 (một) quần jean dài màu đen; 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh; 01 (một) quần jean ngắn màu xanh.

Các vật chứng này hiện này đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định chuyển vật chứng số 140/QĐ-VKS ngày 10/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/10/2022 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

- Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án: 01 (một) USB hiệu Kingston lưu trữ 01 (một) file video ghi lại hình ảnh bị cáo cướp giật tài sản.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh; (1)
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp TPHCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (4)
- Lưu hs; (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tấn Việt

2 000007 820203